TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH QUẢNG TRỊ**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 170/2025/HNGĐ-ST
Ngày: 26 - 9 - 2025
"V/v Ly hôn, tranh chấp về nuôi con "

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Dương Viết Hải
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Xuân Thí và ông Mai Văn Ngọc.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Tú Anh - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thị Diệu Thúy - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 9 năm 2025, tại trụ sở. Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Trị mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân và Gia đình sơ thẩm thụ lý số: 146/2025/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 6 năm 2025, về việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 69/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 28 tháng 7 năm 2025 và Quyết định hoãn phiên tòa số: 203/2025/QĐST-HNGĐ ngày 28 tháng 8 năm 2025, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Lê Thị T, sinh ngày 31/07/2001; CCCD số 044301002944, cấp ngày 13/8/2021; nơi cư trú: thôn T, xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã L, tỉnh Quảng Trị); địa chỉ liên hệ: Số X đường V, phường T, thành phố Đà Nẵng, vắngmặt.

Bị đơn: Anh Lê Đức P, sinh ngày 11/10/2001; CCCD số 044201003962, cấp ngày 27/8/2021; nơi cư trú trước khi xuất cảnh: thôn M, xã M, huyện L, tỉnh Quảng Bình (Nay là xã T, tỉnh Quảng Trị). Hiện cư trú tại: Đài Loan, vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn xin ly hôn ngày 26/05/2025, bản tự khai nguyên đơn chị Lê Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Đức P có quá trình tìm hiểu và tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã L, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 05/7/2023. Sau khi kết hôn được 07 ngày thì anh Lê Đức P làm thủ tục đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan. Thời gian đầu mới sang nước ngoài vợ chồng vẫn thường xuyên liên lạc hỏi han, quan tâm lo lắng đến nhau. Đến năm 2024 thì anh P thường xuyên bài bạc, lô đề nhiều lần chị

khuyên ngăn nhưng anh P không thay đổi, từ đó vợ chồng ít liên lạc cho nhau, có liên lạc cũng chỉ có những lời nói xúc phạm, không tôn trọng và cải vả nhau căng thẳng, không có tiếng nói chung, sau đó ít liên lạc. Chị đã thông báo cho anh P về việc chị làm đơn xin ly hôn anh tại Tòa án và anh cũng đồng ý ly hôn. Hiện nay chị thấy mâu thuẫn vợ chồng đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, chị làm đơn xin ly hôn anh P.

Về con chung: Chị Lê Thị T trình bày, vợ chồng có 01 con chung, cháu Lê Phương An V, sinh ngày 28/10/2023. Hiện tại cháu V đang sống với chị T. Sau khi ly hôn chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Vy, không yêu cầu anh P cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Chị Lê Thị T trình bày vợ chồng không có tài sản chung, nên không yêu cầu Toà án giải quyết.

Bị đơn anh Lê Đức P hiện đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài, nhưng chị T không cung cấp được địa chỉ nơi cư trú cụ thể của anh P. Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã có Công văn số 1662/CV-TA ngày 27/6/2025 yêu cầu Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc; niêm yết các văn bản tố tụng tại địa phương nơi anh P cư trú trước khi xuất cảnh và tống đạt trực tiếp cho người thân của anh P (anh Lê Đức Hải, anh trai anh P); niêm yết và thông báo tại trụ sở và trên cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh và đăng tin thông báo cho anh Lê Đức P trên kênh thông tin (VOV5) dành cho người nước ngoài, nhưng đến nay Tòa án chưa nhận được ý kiến của anh P đối với yêu cầu của chị T. Tòa án đã ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 28/8/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh P vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt.

Ngày 06/6/2025, Tòa án tiến hành xác minh, lấy lời khai anh Lê Đức H (anh trai của anh Lê Đức P), anh Hải trình bày: Hiện nay cả bố và mẹ anh P đang sinh sống ở thành phố Hồ Chí Minh, anh là anh trai của anh Lê Đức P. Hiện nay anh P đang sinh sống, làm việc tại Đài Loan, nhưng địa chỉ cụ thể thì anh không biết. Anh đã nhận được các giấy tờ Tòa án gửi cho anh P và anh đã thông báo lại cho anh P biết việc chị T đang làm thủ tục ly hôn anh P tại Tòa án. Thỉnh thoảng anh P có điện thoại về cho anh hỏi thăm, anh có nói với P, chị T đang làm đơn xin ly hôn P tại Tòa án, anh P nói lại, anh P cũng đồng ý ly hôn và giao con chung cho chị T chăm sóc, nuôi dưỡng. Anh cam đoan đã nhận mọi giấy tờ của Tòa án và sẽ thông báo cho anh P biết. Hiện nay em trai anh là Lê Đức P đang làm ăn sinh sống tại Đài Loan, nhưng không có điều kiện để ghi ý kiến của mình gửi cho Tòa án.

Tại phiên tòa, chị Lê Thị T có đơn xin xét xử vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn anh Lê Đức P vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

Đại diện viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Trị tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm:

Về tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa, Thẩm phán, Hội thẩm nhân dân, Thư ký phiên tòa đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Việc thu thập chứng cứ đúng quy định, đảm bảo quyền lợi của các đương sự. Tại phiên tòa, nguyên đơn có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bị đơn anh Lê Đức P vắng

mặt lần hai không có lý do. Căn cứ khoản 3 Điều 228, Điều 238 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, đề nghị Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T, xử cho chị T được ly hôn anh Lê Đức P; về con chung: Giao cháu Lê Phương An V, sinh ngày 28/10/2023 cho chị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Ghi nhận sự tự nguyện của chị T về việc không yêu cầu anh P cấp dưỡng tiền nuôi con chung; Về tài sản và nợ chung: Đương sự không yêu cầu, nên không xem xét. Đương sự phải chịu án phí và chi phí tố tụng theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử nhận định.

[1] Về tố tụng: Chị Lê Thị T có đơn yêu cầu xin ly hôn anh Lê Đức P đang làm ăn, sinh sống tại nước ngoài, theo thông tin cung cấp của Phòng quản lý xuất nhập cảnh Công an tỉnh thì anh P đã xuất cảnh nhiều lần, lần gần nhất xuất cảnh ngày 20/5/2023, hiện chưa có thông tin nhập cảnh về Việt Nam. Đây là vụ án có bị đơn là Công dân Việt Nam đang cư trú và làm việc tại nước ngoài. Vì vậy, Tòa án nhân dân tỉnh thụ lý giải quyết vụ án là phù hợp theo quy định tại khoản 1 Điều 28; khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, điểm d khoản 1 Điều 469 Bộ luật tố tụng dân sự và quy định tại các Điều 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình.

Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã có Công văn số 1662/CV-TA ngày 27/6/2025 yêu cầu Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc tiến hành niêm yết các văn bản tố tụng tại trụ sở và thông báo trên Cổng thông tin điện tử của Văn phòng Kinh tế Văn hóa Việt Nam tại Đài Bắc; niêm yết tại địa phương nơi anh P cư trú trước khi xuất cảnh và tống đạt các văn bản tố tụng cho người thân của anh P (anh Lê Đức H, anh trai anh P); niêm yết và thông báo tại trụ sở và trên cổng thông tin điện tử Tòa án nhân dân tỉnh và đăng tin thông báo cho anh Lê Đức P trên kênh thông tin (VOV5) dành cho người nước ngoài theo quy định tại các Điều 474, 475 Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng đến nay Tòa án chưa nhận được ý kiến của anh P đối với yêu cầu của chị T. Tòa án đã ra thông báo thay đổi thời gian xét xử. Ngày 28/8/2025, Tòa án mở phiên tòa lần thứ nhất, anh P vắng mặt không có lý do nên phải hoãn phiên tòa. Tại phiên tòa hôm nay anh P vắng mặt lần hai không có lý do và nguyên đơn chị T có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Vì vậy, căn cứ các Điều 228, 238 và điểm b khoản 5 Điều 477 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Lê Thị T và anh Lê Đức P kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại UBND xã L, huyện L, tỉnh Quảng Bình (nay là xã L, tỉnh Quảng Trị) vào ngày 05/7/2023, theo Giấy chứng nhận đăng ký kết hôn số 27. Như vậy, quan hệ hôn nhân giữa chị T và anh P là hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng phải có nghĩa vụ chung sống cùng nhau, thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; cùng nhau chia sẽ, thực hiện các công việc

trong gia đình, tôn trọng, giữ gìn và bảo vệ danh dự, nhân phẩm, uy tín cho nhau. Nhưng do không có tiếng nói chung, anh P thường xuyên bài bạc, lô đề nhiều lần chị T khuyên ngăn nhưng anh P không thay đổi, từ đó vợ chồng xảy ra mâu thuẩn và ít liên lạc cho nhau, có liên lạc cũng chỉ có những lời nói xúc phạm, không tôn trọng và cải vả nhau căng thẳng, dẫn đến mâu thuẩn vợ chồng căng thẳng, mỗi người sống mỗi nơi, không còn quan tâm lo lắng gì cho nhau, người nào lo công việc của người đó. Hiện nay, chị T thấy mâu thuẩn đã căng thẳng, tình cảm vợ chồng không còn, đời sống hôn nhân không thể kéo dài, nên chị T kiên quyết đề nghị Tòa giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Đức P; còn anh P đã được Tòa án niêm yết và tống đạt các văn bản tố tụng theo quy định, thông báo qua kênh dành cho người Việt Nam ở nước ngoài của Đài tiếng nói Việt Nam VOV5 và niêm yết văn bản tố tụng tại địa phương nơi anh P cư trú trước khi xuất cảnh và tống đạt trực tiếp cho người thân gia đình anh P, nhưng anh P đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến gì đối với yêu cầu của chị T. Thể hiện, anh P không quan tâm gì đến chị T, để mặc chị T muốn làm gì thì làm. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy mâu thuẩn vợ chồng đã căng thẳng, đời sống chung trên thực tế không còn tồn tại, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần chấp nhận ý kiến đề nghị của đại diện Viện kiểm sát. Chấp nhận yêu cầu của chị Lê Thị T xin được ly hôn anh Lê Đức P là phù hợp với điều kiện thực tế của các bên, phù hợp với quy định tại các Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình.

[3] Về quan hệ con chung: Xét ý kiến, yêu cầu của chị T về con chung, thấy. Sau khi anh P đi xuất khẩu lao động tại nước ngoài, chị T đã đưa con về nhà bố mẹ chị sinh sống. Từ đó đến nay anh P cũng ít khi gửi tiền về cho chị T để lo lắng cho con chung, nhưng chị T được sự giúp đỡ của bố mẹ và anh chị em nên cũng lo lắng chăm sóc, nuôi dưỡng cho con đảm bảo cuộc sống sinh hoạt. Con chung cháu Vy còn nhỏ dưới 36 tháng tuổi, nên cần sự quan tâm, chăm sóc của mẹ hơn, cháu đã sinh sống ổn định cùng chị T từ nhỏ, nên chị T có nguyện vọng được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung và tự nguyện không yêu cầu anh P đóng góp tiền nuôi con chung cùng chị; còn anh P hiện nay đang làm ăn, sinh sống ở nước ngoài, chưa biết khi nào về Việt Nam, nên khó có điều kiện để trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung. Vì vậy, Hội đồng xét xử thấy cần chấp nhận yêu cầu của chị T. Giao con chung cháu Lê Phương An V, sinh ngày 28/10/2023 cho chị Lê Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không buộc anh Lê Đức P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T (do chị T tự nguyện không yêu cầu) là phù hợp với ý kiến đề nghị của Kiểm sát viên, ý kiến nguyện vọng của chị T, điều kiện thực tế của các bên và phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82, 83, 84 luật Hôn nhân và Gia đình.

[4] Về quan hệ tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Về án phí và chi phí tố tụng: Nguyên đơn chị Lê Thị T phải chịu theo quy định của pháp luật.

Chị Lê Thị T và anh Lê Đức P có quyền kháng cáo bản án theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 3 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 37, điểm a khoản 1 Điều 38, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 3 Điều 153; các Điều 228, 238, 469, 474, 475; điểm b khoản 5 Điều 477; Điều 479 Bộ luật tố tụng dân sự; các điều 51, 56, 57, 81, 82, 83, 84, 123, 127 luật Hôn nhân và Gia đình; khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí lệ phí Tòa án, xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Lê Thị T được ly hôn anh Lê Đức P. Hôn nhân của chị Lê Thị T và anh Lê Đức P chấm dứt kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật.

2. Về quan hệ con chung: Giao con chung cháu Lê Phương An V, sinh ngày 28/10/2023 cho chị Lê Thị T được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục và không buộc anh Lê Đức P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung cùng chị T (do chị T tự nguyện không yêu cầu).

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trong nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Hoặc nhận thấy người trực tiếp nuôi con không đủ điều kiện bảo đảm quyền, lợi ích của con thì người không trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án giải quyết việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

3. Về tài sản, nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết, nên không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Chị Lê Thị T phải chịu 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)*, được khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí chị T đã nộp tại biên lai số 0005437 ngày 02/6/2025 của Cục Thi hành án dân tỉnh Quảng Bình (Nay là Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Trị). Chị T đã nộp đủ.

5. Chi phí tố tụng: Chị Lê Thị T phải chịu 3.575.000 đồng tiền chi phí tố tụng (bao gồm 652.000 đồng tiền chi phí ủy thác tư pháp ra nước ngoài và 2.250.000 đồng tiền chi phí thông báo qua kênh dành cho người nước ngoài của Đài Tiếng nói Việt Nam). Số tiền này chị T đã nộp đủ và chi phí hết.

6. Quyền kháng cáo: Án sơ thẩm công khai, nguyên đơn chị Lê Thị T có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày. Bị đơn anh Lê Đức P có quyền kháng cáo bản án trong hạn 01 tháng, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định.

Nơi nhận:
- VKSND tỉnh Quảng Trị;
- THADS tỉnh Quảng Trị;
- Các đương sự;
- UBND xã L, T. Quảng Trị;
- Lưu hồ sơ; Tòa DS;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ

(đã ký)

Dương Viết Hải